TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐÀ NẴNG** *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 280/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 330/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông Nguyễn C, sinh năm 1956; CCCD: 049056009341; địa chỉ: thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng;

2. Bà Trương Thị K, sinh năm 1977; CCCD: 049177006550; địa chỉ: C, xã T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn C và bà Trương Thị K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cũ vào ngày 04 tháng 8 năm 2023, giấy chứng nhận kết hôn số 46. Quan hệ hôn nhân của vợ chồng được công nhận là hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Vợ chồng chung sống cho đến thời điểm hiện nay thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mỗi người sống mỗi nơi. Nay ông Nguyễn C và bà Trương Thị K xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Ông C và bà K khai chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà K khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn C và bà Trương Thị K phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 17/9/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn C và bà Trương Thị Khương .

1.2. Về con chung: Ông C và bà K chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn C và bà Trương Thị K phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng ông Nguyễn C và bà Trương Thị K đã nộp theo biên lai thu số 0002254 ngày 17/9/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 11- Đà Nẵng;
- Thi hành án Dâ sự TP Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hùng